

HƯỚNG DẪN

Chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của UBND tỉnh

Căn cứ Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về công bố định mức chi phí QLDA và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách về kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-CTUBND tỉnh ngày 21/02/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế mẫu kiên cố hóa kênh mương loại 3;

Căn cứ các văn bản số 5522/UBND-KTN, 5523/UBND-KTN, 5524/UBND-KTN, 5525/UBND-KTN, 5526/UBND-KTN, 5527/UBND-KTN ngày 27/12/2013; số 353/UBND-KTN ngày 24/01/2014 của UBND tỉnh về công bố bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ các văn bản số 1541/UBND-KTN ngày 21/4/2014, 1743/UBND-KTN ngày 05/5/2014 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn Chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của UBND tỉnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chi tiết chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Hướng dẫn này áp dụng cho việc tính mức hỗ trợ, lập hồ sơ thiết kế sơ bộ, lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình được áp dụng cho các công trình bê tông hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đối với các công trình lồng ghép vào các công trình đặc thù

Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới thì áp dụng theo quy định công trình đặc thù của Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Không áp dụng các quy định trong Hướng dẫn này cho các công trình xây dựng khác.

II. TÍNH MỨC HỖ TRỢ:

1. Mức hỗ trợ được áp dụng tính trên cơ sở cho 1km kênh (phần kênh) tưới lúa kiên cố hóa bằng bê tông mác 200 đá 1x2, mặt cắt kênh hình chữ nhật độ dốc thiết kế $i=1/2000$, với thông số kỹ thuật và mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của UBND tỉnh và bổ sung thêm các mức hỗ trợ chi tiết như Bảng 1:

Bảng 1: Bảng thông số kỹ thuật kênh và mức hỗ trợ

TT	Diện tích tưới	Lưu lượng thiết kế	Chiều rộng (B)	Chiều cao (H)	Chiều dày (t)	Hỗ trợ xi măng và quy đổi thành tiền		Hỗ trợ bổ sung bằng tiền	Tổng cộng	Ghi chú
	(ha)	(m ³ /s)	(m)	(m)	(m)	(tấn)	(Tr.đ)	(Tr.đ)	(Tr.đ)	
1	10	0,013	0,30	0,30	0,10	39	65	121	56	Kênh không có thanh giằng
2	15	0,020	0,30	0,35	0,10	43	72	133	61	
3	20	0,026	0,30	0,45	0,10	50	84	153	69	
4	25	0,033	0,30	0,50	0,10	54	91	160	69	
5	30	0,041	0,30	0,55	0,12	70	117	200	83	
6	35	0,047	0,35	0,55	0,12	72	121	206	85	
7	40	0,054	0,35	0,55	0,12	72	121	206	85	
8	45	0,062	0,40	0,55	0,12	75	126	215	89	
9	50	0,070	0,40	0,55	0,12	75	126	215	89	
10	55	0,077	0,45	0,55	0,12	76	127	218	91	
11	60	0,084	0,45	0,60	0,12	80	134	229	95	
12	65	0,091	0,45	0,65	0,12	85	143	247	104	
13	70	0,098	0,45	0,65	0,12	85	143	247	104	
14	75	0,107	0,45	0,70	0,12	89	149	260	111	
15	80	0,115	0,50	0,70	0,12	91	153	266	113	
16	85	0,122	0,50	0,70	0,12	91	153	266	113	
17	90	0,129	0,50	0,75	0,15	122	205	324	119	
18	95	0,137	0,50	0,75	0,15	122	205	324	119	
19	100	0,145	0,50	0,80	0,15	128	215	341	126	
20	105	0,152	0,50	0,80	0,15	128	215	341	126	
21	110	0,160	0,55	0,80	0,15	130	218	346	128	
22	115	0,167	0,55	0,80	0,15	130	218	346	128	
23	120	0,175	0,60	0,80	0,15	133	223	353	130	

(Ghi chú: Các dòng in đậm là mức hỗ trợ theo Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của UBND tỉnh, các dòng còn lại là mức hỗ trợ bổ sung)

2. Đối với kênh có diện tích tưới khác với diện tích tưới quy định như Bảng 1 thì được xác định như sau:

- Đối với kênh có diện tích tưới nhỏ hơn 10ha thì lấy mức hỗ trợ bằng kênh có diện tích tưới 10ha.

- Đối với kênh có diện tích tưới nằm khoảng giữa hai trị số diện tích tưới liền kề nhau thì lấy mức hỗ trợ theo kênh có diện tích tưới ở cận trên.

Ví dụ: Kênh có diện tích tưới 12ha nằm khoảng giữa 10ha và 15ha ($10ha < 12ha < 15ha$) thì lấy mức hỗ trợ theo kênh có diện tích tưới 15ha.

3. Đối với kênh tưới có thiết kế kết hợp tiêu úng nội đồng; kênh tưới có độ dốc thiết kế khác thì việc xác định mức hỗ trợ theo kích thước mặt cắt kênh (B,H) tương ứng trong Bảng 1.

III. LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ SƠ BỘ:

Hồ sơ thiết kế sơ bộ được lập đảm bảo yêu cầu về mặt kỹ thuật cơ bản, bao gồm:

- Tập bản vẽ thiết kế, bao gồm: Bản vẽ cắt dọc, cắt ngang kênh, bản vẽ công trình trên kênh, sơ họa tuyến (Không đo vẽ bình đồ, trắc dọc đo đủ chiều dài tuyến kênh thiết kế, chiều dài tối đa mỗi mặt cắt ngang bằng chiều rộng mặt cắt kênh thiết kế tính từ chân công trình cộng thêm mỗi bên 1,5m, mật độ mặt cắt ngang bình quân khoảng cách 20m trên một mặt cắt).

- Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công, bao gồm các nội dung: Tên công trình; địa điểm xây dựng; chủ đầu tư; nhiệm vụ công trình; các thông số kỹ thuật chủ yếu; tổng kinh phí, nguồn vốn đầu tư; và phụ lục tính toán thủy văn, thủy lực (nếu có), khối lượng xây dựng.

- Dự toán xây dựng công trình: Lập theo phần IV hướng dẫn này.

IV. LẬP VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:

Lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ bản được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ xây dựng, Hướng dẫn số 01/HD-SXD ngày 25/01/2013 và văn bản số 65/SXD-QLXDCT ngày 24/01/2014 của Sở Xây dựng.

Riêng đối với công tác lập dự toán xây dựng công trình thực hiện theo hướng giảm chi phí một số nội dung cơ cấu dưới dự toán để giảm chi phí xây dựng công trình nhằm tạo điều kiện thuận lợi đầu tư phát triển, xây dựng bê tông hoá kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh ngày càng đạt hiệu quả cao.

1. LẬP DỰ TOÁN ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH DO NHÀ THẦU TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG THỰC HIỆN:

Áp dụng cho các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn như: công trình làm mới, điều chỉnh tuyến, các công trình trên tuyến phức tạp (công trình tiêu thoát nước, công trình điều tiết, công trình qua đường, xi phông, cầu máng...).

Dự toán công trình được xác định như sau:

$$G_{DT} = G_{XD} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K + G_{DP}$$

Trong đó:

G_{XD} : Chi phí xây dựng;

G_{TB} : Chi phí thiết bị;

G_{QLDA} : Chi phí quản lý dự án;

G_{TV} : Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng;

G_K : Chi phí khác;

G_{DP} : Chi phí dự phòng.

a) Chi phí xây dựng (G_{XD}): Bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng, chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công.

- Chi phí trực tiếp bao gồm: Chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và trực tiếp phí khác.

+ Chi phí vật liệu: Được xác định trên cơ sở khối lượng theo thiết kế bản vẽ thi công và đơn giá vật liệu của công tác xây dựng tương ứng theo bộ đơn giá tỉnh Bình Định công bố.

Giá vật liệu là giá đến hiện trường xây dựng (bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, bốc xếp, hao hụt trong quá trình vận chuyển), được xác định phù hợp với công trình và gắn với vị trí nơi xây dựng công trình. Riêng vật liệu xi măng sẽ được cung cấp đến chân công trình theo định mức xi măng hỗ trợ của tỉnh, không tính chi phí vận chuyển từ Điều Trì đến chân công trình vào giá thành công trình.

Giá mua vật liệu được xác định trên cơ sở báo giá của nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp hoặc giá do cơ quan nhà nước có chức năng công bố nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại thời điểm.

Chi phí vận chuyển được xác định trên cơ sở đơn giá cước vận chuyển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương công bố; cự ly vận chuyển, loại đường căn cứ vào quyết định xếp loại đường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương và địa phương ban hành.

+ Chi phí nhân công: Được xác định trên cơ sở khối lượng theo thiết kế bản vẽ thi công và đơn giá nhân công của công tác xây dựng tương ứng theo bộ đơn giá tỉnh Bình Định công bố.

+ Chi phí máy thi công: Được xác định trên cơ sở khối lượng theo thiết kế bản vẽ thi công và đơn giá máy thi công của công tác xây dựng tương ứng theo bộ đơn giá tỉnh Bình Định công bố.

+ Trực tiếp phí khác: Được xác định theo định mức tỷ lệ quy định tại Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng nhân với hệ số điều chỉnh $k=0,5$ ($2\% \times 0,5 = 1\%$) của tổng chi phí vật liệu, nhân công và máy thi công (trừ phần kinh phí xi măng tỉnh hỗ trợ).

+ Chi phí chung: Được xác định theo định mức tỷ lệ quy định tại Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng nhân với hệ số điều chỉnh $k=0,5$ ($5,5\% \times 0,5 = 2,75\%$) trên chi phí trực tiếp.

+ Thu nhập chịu thuế tính trước: Được xác định theo định mức tỷ lệ quy định tại Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng ($5,5\%$) trên chi phí trực tiếp và chi phí chung.

+ Thuế giá trị gia tăng: Thuế giá trị gia tăng cho công tác xây dựng được tính theo qui định hiện hành 10% trên chi phí trực tiếp, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước.

+ Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công: Không tính vào chi phí xây dựng công trình.

b) Chi phí quản lý dự án (G_{QLDA}): Được tính theo định mức tỷ lệ quy định tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng, nhân với hệ số điều chỉnh $k=0,5$ của tổng chi phí vật liệu, nhân công và máy thi công (trừ phần kinh phí xi măng tỉnh hỗ trợ).

c) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (G_{TV}):

- Chi phí lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật: Được tính theo Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng. Riêng phần kết cấu kênh do áp dụng thiết kế mẫu của UBND tỉnh ban hành nên được điều chỉnh hệ số $k=0,8$.

- Chi phí khảo sát xây dựng: Được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 17/2013/TT-BXD ngày 30/10/2013 trên cơ sở khối lượng trắc dọc, trắc ngang, thủy chuẩn kỹ thuật trong phạm vi tuyến công trình nhân với đơn giá công việc khảo sát tương ứng theo bộ đơn giá của tỉnh Bình Định công bố.

- Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Do cơ quan quản lý nhà nước thẩm tra không tính vào chi phí công trình. Nếu chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn thẩm tra thì chi phí tính theo định mức quy định tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 Bộ Xây dựng, nhân với hệ số điều chỉnh $k = 0,5$.

- Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng: Nếu chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu thì chi phí tính theo quy định tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 Bộ Xây dựng, nhân với hệ số điều chỉnh $k = 0,5$.

- Chi phí giám sát thi công xây dựng: Nếu chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng thì chi phí tính theo quy định tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 Bộ Xây dựng.

d) Chi phí khác:

- Lệ phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Do cơ quan quản lý nhà nước thẩm định nên không tính vào chi phí công trình.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011. Chi phí thẩm tra, phê duyệt được điều chỉnh nhân hệ số $K = 0,5$ giá trị tương ứng.

- Chi phí bảo hiểm, kiểm toán công trình: Không đưa vào chi phí xây dựng công trình.

e) Chi phí dự phòng: Đối với chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá không tính vào dự toán công trình do công trình thực hiện theo kế hoạch hàng năm, thời gian thi công ngắn.

2. LẬP DỰ TOÁN ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH DO ĐỊA PHƯƠNG TỰ TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Áp dụng cho các công trình tuyến có sẵn và điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, không phức tạp và do địa phương tự tổ chức thực hiện.

Dự toán xây dựng công trình được xác định theo công thức ở mục 1 phần IV của hướng dẫn này.

a) Chi phí xây dựng (G_{XD}): Bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công. Các chi phí còn lại như: Trực tiếp phí khác, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng, chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công do địa phương tự tổ chức thực hiện nên không tính vào chi phí công trình.

- Chi phí vật liệu (A): Được xác định trên cơ sở khối lượng theo thiết kế bản vẽ thi công và đơn giá vật liệu của công tác xây dựng tương ứng.

Giá vật liệu là giá đến hiện trường xây dựng (bao gồm giá mua + chi phí vận chuyển, bốc xếp), được xác định phù hợp với công trình và gắn với vị trí nơi xây dựng công trình. Riêng vật liệu xi măng sẽ được cung cấp đến chân công trình theo định mức xi măng hỗ trợ của tỉnh, không tính chi phí vận chuyển từ Điều Trị đến chân công trình vào giá thành công trình.

+ Giá mua vật liệu được xác định trên cơ sở thông báo giá của nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp hoặc giá do cơ quan nhà nước có chức năng công bố nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại thời điểm.

+ Chi phí vận chuyển được xác định trên cơ sở đơn giá cước vận chuyển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương công bố; cự ly vận chuyển, loại đường căn cứ vào quyết định xếp loại đường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương và địa phương ban hành được tính vào giá thành công trình.

- Chi phí nhân công (B): Đơn giá nhân công là đơn giá lao động tại địa phương, nhưng phải đảm bảo không vượt mức quy định của đơn giá do UBND tỉnh công bố.

- Chi phí máy thi công (C): Đơn giá ca máy thuê tại địa phương nhưng không được vượt mức quy định của đơn giá do UBND tỉnh công bố.

Chi phí xây dựng: $G_{XD} = A+B+C$

b) Chi phí quản lý dự án:

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng do UBND xã thành lập, chi phí cho hoạt động của Ban do ngân sách xã tự cân đối theo quyết định của Hội đồng nhân dân xã.

c) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khảo sát, thiết kế: Đối với công trình đơn giản về địa hình bằng phẳng, thủy văn đơn giản, tuyến thẳng, ít góc chuyển hướng và tuyến đã có sẵn thì xã có thể tự khảo sát đo đạc (đo chiều dài tuyến, trắc ngang điển hình). Trên cơ sở số liệu khảo sát, UBND các xã, phường, thị trấn sử dụng thiết kế mẫu của UBND tỉnh ban hành để thiết kế lập dự toán và phê duyệt theo quy định. Chi phí này địa phương tự thực hiện thì không tính vào giá thành công trình.

- Chi phí tư vấn giám sát xây dựng: Nếu UBND xã thành lập Ban giám sát để thực hiện việc giám sát trong quá trình thi công xây dựng, thì cắt giảm chi phí này.

d) Chi phí khác:

- Thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nên không tính vào chi phí công trình.

- Không tính chi phí bảo hiểm công trình.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011. Chi phí thẩm tra, phê duyệt được điều chỉnh nhân hệ số $K = 0,5$ giá trị tương ứng.

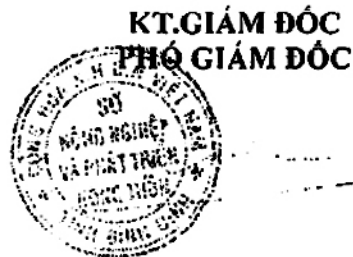
V. Tổ chức thực hiện:

1. Hình thức cấp và nhận phân xi măng hỗ trợ: Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, chủ đầu tư có công văn đăng ký địa điểm, thời gian, khối lượng gửi cho Công ty cổ phần Constrexim Bình Định để tổng hợp và cung cấp xi măng theo yêu cầu. Đồng thời gửi văn bản đăng ký về Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và PTNT để biết, theo dõi.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn, kiểm tra, đôn đốc UBND các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện đúng theo hướng dẫn này và phản ánh kịp thời những vướng mắc khó khăn để Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp các sở, ngành có liên quan xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Các Sở: KHĐT, TC, XD;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở;
- Link: VT, QLXDCT.



Nguyễn Hữu Vui